

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-PT
Ngày 03 tháng 04 năm 2018
“V/v tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các hội thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 166/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐ-PT ngày 02/01/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 07A/2018/QĐ-PT ngày 25/01/2018; thông báo mở lại phiên tòa số 27/2018/TB-TA ngày 05/03/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1928 và ông Lê Văn D (chết); địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện hợp pháp của bà Trí: Bà Lê Thị T.H, sinh năm 1963 địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo giấy ủy quyền ngày 10/01/2006 có mặt).

Người thừa kế theo pháp luật của ông D:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1928; Tổ A, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Ông Lê Khắc R, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt); ông R ủy quyền cho bà Lê Thị T.H (theo giấy ủy quyền ngày 07/02/2018 có mặt).

3. Bà Lê Thị T.H5, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.(có mặt).

4. Ông Lê Khắc L, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.(vắng mặt).

5. Ông Lê Khắc N, sinh năm 1955; địa chỉ: Đội T, xóm P, xã G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

6. Bà Lê Thị B, sinh năm; 1975; địa chỉ: số nhà L, đường D, Phường 1, quận U, TP Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

7. Bà Lê Thị TH (chết).

Những người thừa kế theo pháp luật của bà Thanh, gồm;

- Ông Trần Hồng S, sinh năm 1942; (có đơn xin vắng mặt).
- Bà Trần Thị Hồng M, sinh năm 1979; (có đơn xin vắng mặt).
- Ông Trần Hồng P, sinh năm 1982; (có đơn xin vắng mặt).
- Bà Trần Thị Hồng D, sinh năm 1986; (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số Q, Đường L, Phường M, quận V, TP Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm: 1956 và Lê Khắc Tr (chết); địa chỉ: Tổ G, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện hợp pháp của bà C: Ông Lâm Hồng K, sinh năm 1956; địa chỉ:, huyện M, tỉnh N; địa chỉ liên lạc: đường B, Phường Z, quận N, TP.Hồ Chí Minh (có mặt).

Những người thừa kế theo pháp luật cho ông Tr:

1. Bà Phan Thị C, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ G, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ I, ấp X, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp K, xã P, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1982; (có mặt).

4. Bà Lê Thị C1, sinh năm 1990; (vắng mặt).

5. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1992; (có mặt).

6. Ông Lê A, sinh năm 1996; (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

7. Bà Lê Thị H4, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp T.K, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Đặng Hùng V, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ G, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

4. Ông Hoàng Xuân N, sinh năm 1972 và bà Trần Thị G sinh năm 1972; địa chỉ: ấp X, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị T.H trình bày;

Vào năm 1995, vợ chồng bà T, ông D nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Ký, bà Hương 16.530m² đất tại các thửa 429, tờ bản đồ địa chính số E và các thửa 157, 469, 468, 467, 496, 497, 495, 499, 498, 501, 502, 500, 494, 492, 293, 491, 503, 504, 505, 506, 521, 522, 520, 529 và một phần thửa 158, tờ bản đồ địa chính số F xã H. Khi nhận chuyển nhượng đất của ông K, bà Q chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Sau khi nhận chuyển nhượng bà T, ông D cho vợ chồng ông TR, bà C là con trai và con dâu của bà T, ông D mượn đất để canh tác.

Năm 1998, vợ chồng ông TR, bà C tự ý đi kê khai để xin cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông TR mà không báo cho bà T, ông D biết.

Năm 2001, ông D qua đời không để lại di chúc, năm 2002 ông TR chết không để lại di chúc.

Năm 2004, bà C kêu người để chuyển nhượng đất, lúc này bà T mới biết là toàn bộ đất của bà T, ông D đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông TR. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C trả lại đất cho bà T nhưng bà C không chịu trả.

Tại Toà án bà T yêu cầu bà C cùng những người thừa kế theo pháp luật của ông TR trả lại 16.530m² đất tại các thửa 429, tờ bản đồ địa chính số E và các thửa 157, 469, 468, 467, 496, 497, 495, 499, 498, 501, 502, 500, 494, 492, 293, 491, 503, 504, 505, 506, 521, 522, 520, 529 và một phần thửa 158, tờ bản đồ địa chính số F xã H cho bà T.

Ngày 25/4/2014, bà T rút một phần yêu cầu đối với 7.524m² đất tại thửa 429, tờ bản đồ địa chính số E xã H, chỉ yêu cầu bà C trả lại 9.006m² đất tại các thửa 157, 469, 468, 467, 496, 497, 495, 499, 498, 501, 502, 500, 494, 492, 293, 491, 503, 504, 505, 506, 521, 522, 520, 529 và một phần thửa 158, tờ bản đồ địa chính số F xã H cho bà T.

Tại phiên toà hôm nay bà T.H5 vẫn giữ nguyên ý kiến: yêu cầu bà C và những người thừa kế theo pháp luật của ông TR trả lại 9.006m² đất tại các thửa 157, 469, 468, 467, 496, 497, 495, 499, 498, 501, 502, 500, 494, 492, 293, 491,

503, 504, 505, 506, 521, 522, 520, 529 và một phần thửa 158, tờ bản đồ địa chính số F xã H cho bà T.

Bị đơn bà Phan Thị C trình bày: Vào năm 1995, vợ chồng bà C, ông TR nhận chuyển nhượng của ông K 1,1 mẫu (11.000m²), khi chuyển nhượng không làm giấy tờ gì, tiền chuyển nhượng đất do ông TR trả cho ông K. Cũng trong năm 1995 vợ chồng bà C, ông TR chuyển nhượng tiếp của vợ chồng ông D, bà T khoảng 7.600m² đất nữa, khi chuyển nhượng không làm giấy tờ gì, tiền chuyển nhượng đất do ông TR trả cho ông D, bà T. Cũng trong năm 1995 vợ chồng bà C, ông TR chuyển nhượng tiếp của ông Lê Khắc R khoảng 4.000m² đất nữa, khi chuyển nhượng không làm giấy tờ gì, tiền chuyển nhượng đất do ông TR trả cho ông R.

Năm 1998 ông TR được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông K và ông R.

Năm 1999 ông TR được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông D, bà T.

Năm 2003 bà C chuyển nhượng cho ông N phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông D, bà T. Việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay với nhau, giấy chứng nhận QSD đất hiện nay ông N đang giữ.

Năm 2002 ông Triết qua đời không để lại di chúc, ông TR, bà C có 07 người con chung gồm các ông bà : Lê Thị H1, Lê Thị H2, Lê Thị H3; Lê Thị H4, Lê Thị C, Lê Thị Đ, Lê A.

Tại Tòa án bà C không đồng ý với yêu cầu của bà T.

Những người thừa kế theo pháp luật cho ông Lê Văn D là bà Lê Thị B, ông Lê Ngọc H, ông Lê Khắc R trình bày:

Bà TH, ông L, ông R là con ruột của ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T. Ông D, bà T có 07 người con chung gồm: Lê Khắc TR, Lê H.T, Lê Khắc N, Lê Khắc R, Lê Thị T.H5, Lê Khắc L, Lê Thị B, hiện nay ông TR, bà H.T đã qua đời. Nguồn gốc đất đang xảy ra tranh chấp là do ông D, bà T mua của ông Y, bà P, ông K, bà G và cho vợ chồng ông TR, bà C mượn để canh tác. Năm 2001 ông D qua đời không để lại di chúc, năm 2002 ông TR qua đời. Đến năm 2005 thì bà C tự ý chuyển nhượng một phần đất cho người khác nên xảy ra tranh chấp.

Tại Tòa án bà B, ông L yêu cầu bà C và những người thừa kế của ông TR trả lại đất cho bà Nguyễn Thị T. Ông R không có ý kiến, yêu cầu gì.

Những người thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị H.T: Ông Trần Hồng S, ông Trần Hồng P, bà Trần Thị Hồng M, bà Trần Thị Hồng D trình bày: Ông S là chồng của bà T.H, anh P, chị M, chị D là con của của ông S và bà HT, bà HT là con của ông D, bà T. Bà HT qua đời năm 1989, khi qua đời không để lại di chúc.

Việc tranh chấp giữa bà T với bà C; ông S, anh P, chị M, chị D không có ý kiến, yêu cầu gì mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người thừa kế theo pháp luật của ông Lê Khắc TR là bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H2, bà Lê Thị H3 trình bày: Chị H1, chị H2, chị H3 là con của ông TR và bà C. Ông TR qua đời năm 2002 không để lại di chúc. Ông TR, bà C có 07 người con chung là: Lê Thị H1, Lê Thị H2, Lê Thị H3, Lê Thị C, Lê Thị Đ, Lê A. Ngoài ra ông TR không có con riêng hay con nuôi gì.

Nguồn gốc tranh chấp là do ông TR, bà C mua và khai phá thêm.

Tại Toà án chị H1, chị H2, chị H3 không đồng ý với yêu cầu của bà T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Xuân N, bà Trần Thị G trình bày: Ngày 20/3/2015 vợ chồng ông N, bà G có nhận chuyển nhượng của bà C 01 thửa đất có diện tích: 763m² tọa lạc tại ấp B, xã H. Giá thỏa thuận là 60.000.000 đ (sáu mươi triệu) đồng, khi chuyển nhượng đất đã có giấy chứng nhận QSD đất, hai bên có làm giấy tờ với nhau, có ông R làm chứng. Ông N, bà G đã giao tiền cho bà C, bà C đã giao đất cho ông N, bà G sử dụng. Việc tranh chấp giữa bà T và bà C vợ chồng ông N, bà G không biết, nên đề nghị Toà án xem xét.

2. Ông Đặng Hùng V, bà Nguyễn Thị U trình bày: Ông V, bà U có đất giáp với đất do bà C canh tác, do ranh đất hơi xéo nên năm 2000 hai bên thỏa thuận miệng đổi đất để sử dụng cho thuận tiện, đất bà C chỉ có 500m², còn đất của Ông V, bà U là 3 sào. Việc tranh chấp giữa bà T và bà C, ông V, bà U không biết. Nay biết việc tranh chấp thì ông V, bà U đồng ý trả lại phần đã nhận của bà C và nhận lại phần đất mà bà C đã đổi của ông V, bà U.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DSST ngày 12/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc đã áp dụng khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 234, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với bà Phan Thị C, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H4, chị Lê Thị C, chị Lê Thị Đ, anh Lê A.

Buộc bà Phan Thị C, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H4, chị Lê Thị C, chị Lê Thị Đ, anh Lê A phải trả cho bà Nguyễn Thị T 9.006m² đất tại các thửa đất 157, 469, 468, 467, 496, 497, 495, 499, 498, 501, 502, 500, 494, 492, 293, 491, 503, 504, 505, 506, 521, 522, 520, 529 và một phần thửa 158, tờ bản đồ địa chính số F xã H.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 tháng 10 năm 2017, bà Phan Thị C làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phan Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp; sai tư cách đương sự; không triệu tập UBND huyện M tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; việc thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị C hủy bản án sơ thẩm số 64/2017/DSST ngày 12/10/2017 của TAND huyện Xuyên Mộc, giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện Xuyên Mộc giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bà Phan Thị C nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo nêu trên như sau:

[1] Về tố tụng: các đương sự vắng mặt đã có ủy quyền và được Tòa án tổng đạt hợp lệ, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo: Đại diện ủy quyền của bà C là ông K trình bày: Đề nghị Tòa án hủy toàn bộ án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể xác định quan hệ pháp luật sai, tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đưa Ủy ban nhân dân huyện M tham gia tố tụng.

[3] Về tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng không đúng, cụ thể như sau:

Ông Lê Văn D chết năm 2001, trước khi bà Nguyễn Thị T khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm đưa ông D cùng đồng nguyên đơn là không đúng; các con của ông D là hàng thừa kế của ông D không có đơn khởi kiện, cấp sơ thẩm cũng không thụ lý nhưng vẫn đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là thừa kế tố tụng của ông D tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn trong khi họ chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông Lê Khắc TR chết năm 2002, bà T khởi kiện bà C không khởi kiện ông TR và những người thừa kế của ông TR nhưng cấp sơ thẩm đưa họ vào tham gia tố tụng là bị đơn mà họ cũng chỉ tham gia với tư cách người liên quan.

[4] Cấp sơ thẩm không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Bà C đã cho anh Lê A thuê đất nhưng không đưa anh A tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền lợi của anh A.

[6] Ngày 02/7/2007, ngày 14/01/2015 cấp sơ thẩm đã ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự mà chưa ban hành quyết định giải quyết lại vụ án đã đưa vụ án ra xét xử.

[7] Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu bà C giao trả quyền sử dụng đất vì cho rằng bà T nhận chuyển nhượng, còn bà C cho rằng Bà cũng nhận chuyển nhượng và sử dụng ổn định được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998, như vậy cấp sơ thẩm phải xem xét ai là người được quyền sử dụng đất do đó quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất, không phải kiện đòi tài sản.

[8] Cấp sơ thẩm giao toàn bộ quyền sử dụng đất cho nguyên đơn trong khi bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ mà không xem xét tính hợp pháp của giấy chứng nhận QSDĐ, quá trình cấp đất có đúng quy định của luật đất đai hay không; không đưa ủy ban nhân dân huyện M vào tham gia tố tụng.

[9] Cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ các tài sản trên đất như nhà, vật kiến trúc khác và cây trồng trên đất.

[10] Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không bổ sung được nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DSST ngày 12/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc về “Tranh chấp đòi tài sản” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, bị đơn là bà Phan Thị C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc giải quyết lại theo quy định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị C không phải nộp. Hoàn lại cho bà Phan Thị C 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009341 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BVRT;
- TAND h.Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Phương Bắc